

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/DS-ST

Ngày: 18-6-2026

*V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng
và xử lý tài sản thế chấp”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Tác

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Q - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 5 năm 2026 và ngày 16 tháng 8 năm 2026. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2026/DS ngày 24/4/2026; Quyết định ngừng phiên tòa số 46/2026/DS ngày 22/5/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1 (A1); địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Toàn V:* Ông Nguyễn Huy S– Chức vụ: Giám đốc A1 Chi nhánh H1.

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Nguyễn Huy S:* Bà Nguyễn Thị Phương A – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng A1 Chi nhánh H1 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

**Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

-Anh Lê Văn H, sinh năm 2005 (xin vắng mặt)

-Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 2000 (xin vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn L, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

-Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1978 (là chồng bà X) (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi tạm trú: Số nhà G, Tổ B, phường L, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2025, bản tự khai và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương A là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, A1 Chi nhánh H1 và bà Nguyễn Thị X đã ký Hợp đồng tín dụng số 2505LAV202000749, hạn mức là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Dư nợ gốc đến ngày 30/9/2025 là: 250.000.000 đồng (Trong đó gốc: 220.000.000 đồng; lãi 195.407.849 đồng)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị X đã không thực hiện trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, trong thời gian quá hạn Ngân hàng đã cử Cán bộ đến đôn đốc và làm việc nhiều lần nhưng gia đình bà Nguyễn Thị X không trả nợ Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 30/9/2025, bà Nguyễn Thị X còn nợ tổng số tiền là: đến ngày 30/9/2025 là: 250.000.000 đồng (Trong đó gốc: 220.000.000 đồng; lãi 195.407.849 đồng). Vì vậy A1 Chi nhánh H1 giữ nguyên các yêu cầu trong đơn khởi kiện, kính đề nghị Tòa án Nhân dân khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Nguyễn Thị X và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thanh toán cho A1 Chi nhánh H1 tạm tính đến ngày 18/6/2026 số tiền là: là: 412.232.110 đồng, (Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm ba hai nghìn, một trăm mười nghìn đồng).Trong đó: Nợ gốc: 220.000.000 đồng, lãi: 192.232.110 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2505LAV202000749 ngày 19/02/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị X và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **ông Lê Văn Đ** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên và lãi phát sinh thì A1 Chi nhánh H1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có biện pháp theo quy định của pháp luật và tiến hành kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ Ngân hàng đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 34, diện tích 83.3 m² tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh) theo hợp đồng thế chấp số 160310/HĐTC ngày 27/10/2016. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BY 852750, số vào sổ cấp GCN: CH00225, cấp cho bà Nguyễn Thị X ngày 25/3/2015.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị X và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **ông Lê Văn Đ**. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị X và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Phương A đại diện của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu của mình. Bà xác định bà X đã trả được số tiền gốc 30.000.000 đồng và số tiền lãi là 7.876.712 đồng. Vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/7/2021.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:* Ngày 19/02/2020, bà có ký với Ngân hàng A1 Chi nhánh H1 số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Bà xác định chữ ký “X, Nguyễn Thị X” tại Hợp đồng vay đề ngày 19/02/2020 là do bà ký và viết và chữ “ X, Nguyễn Thị X, Lê Văn Đ” tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/10/2016 là do bà và chồng bà viết và ký. Trong quá trình vay thì bà xác định đã trả được số tiền gốc 30.000.000 đồng, còn lãi

thì chưa trả được tý nào. Bà và ông Đ kết hôn năm 1999, ly hôn ngày 15/9/2021 theo bản án số 66/2021/HNGĐ –ST ngày 15/9/2021. Bà xác định đây là khoản nợ của bà và ông Đ, không liên quan đến các con bà. Nay Ngân hàng A1 khởi kiện vợ chồng bà phải trả số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 250.000.000 đồng (Trong đó gốc: 220.000.000 đồng; lãi 195.407.849 đồng) thì bà xin trả số tiền gốc, còn số tiền lãi thì bà xin được miễn, do điều kiện khó khăn. Trường hợp bà không trả được tiền thì bà không đồng ý xử lý tài sản thế chấp.

*Bị đơn ông Lê Văn Đ đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản, nhưng không lên Toà án làm việc, không có văn bản trình ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn H và chị Lê Thị Ngọc M đều trình bày: Việc bố mẹ anh chị vay tiền của ngân hàng A1 Chi nhánh H1 cụ thể như thế nào thì anh chị không nắm được. Anh H và chị M đều xác định không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của bố mẹ. Nay Ngân hàng A1 Chi nhánh H1 khởi kiện thì anh chị mới biết và xác định đây là nợ của bà X và ông Đ, anh chị không được sử dụng số tiền trên. Trường hợp bà X và ông Đ không trả được thì anh chị không đồng ý xử lý tài sản thế chấp.

*Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 317; Điều 323; Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 92; Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

+ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N2);

+ Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N2 về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Khoản 2 Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải trả có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh H1 số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2026 số tiền là: 412.232.110 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm ba hai nghìn, một trăm mười nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 220.000.000 đồng, lãi: 192.232.110 đồng. Do bà X và ông Đ đã ly hôn ngày 15/9/2021, nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 206.116.055 đồng.

Kể từ ngày 19/6/2026, bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2505LAV202000749 ngày

19/02/2020 cho đến ngày bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A1.

Trường hợp bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng A1- Chi nhánh H1 -Bắc Giang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án để thu hồi nợ đối với thửa đất thế chấp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải chịu 2.000.000 đồng (mỗi người chịu 1.000.000 đồng), tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do A1 -chi nhánh huyện H Bắc Giang đã tạm ứng nên bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N1 (A1) -chi nhánh huyện H Bắc Giang số tiền 2.000.000 đồng (mỗi người chịu 1.000.000 đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận A1 –chi nhánh huyện H1 đã nộp đủ.

-Về án phí dân sự: bà Nguyễn Thị X phải chịu 10.244.642 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn Đ phải chịu số tiền án phí là 10.244.642 đồng.

-Hoàn trả Ngân hàng N1 (A1) -Chi nhánh H1 số tiền 10.308.157 đồng (Mười triệu, ba trăm linh tám nghìn, một trăm năm bảy đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0004577 ngày 12/12/2025, tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự trong vụ án không yêu cầu xem xét, nên không xem xét, áp dụng.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng N1 (A1)-Chi nhánh H1 khởi kiện yêu cầu **bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ** trả số tiền đã cho vay. Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã H, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh thụ lý giải vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, **Điều 228** -Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Theo lời khai của các bên đương sự đều phù hợp với nội dung: Ngày 19/02/2020, giữa Ngân hàng (A1) -Chi nhánh H1 và bà Nguyễn Thị X đã thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 2505LAV202000749 ngày 19/02/2020, hạn mức là: 250.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: để phát triển kinh tế gia đình. Khi vay có thế chấp tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Nguyễn Thị X đã trả được 30.000.000 đồng tiền gốc, và 7.876.712 đồng tiền lãi. Bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/7/2021. Tính đến hết ngày 18/6/2026 số tiền là: là: 412.232.110 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm ba hai nghìn, một trăm mười nghìn đồng).Trong đó: Nợ gốc: 220.000.000đồng, lãi: 192.232.110 đồng. Bà Nguyễn Thị X xác định là nợ chung của vợ chồng bà. Bà và ông Đ kết hôn năm 1999, ly hôn ngày 15/9/2021 theo bản án

số 66/2021/HNGĐ –ST ngày 15/9/2021. Nay Ngân hàng N1 (A1)-Chi nhánh H1 - Bắc Giang khởi kiện bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ trả số tiền trên là có căn cứ, cần được chấp nhận và tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Trong đơn khởi kiện ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày hết ngày 18/6/2026 số tiền là: là: 412.232.110 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm ba hai nghìn, một trăm mười nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 220.000.000đồng, lãi: 192.232.110 đồng. Bà Nguyễn Thị X xác định là nợ chung của vợ chồng bà. Bà và ông Đ kết hôn năm 1999, ly hôn ngày 15/9/2021 theo bản án số 66/2021/HNGĐ -ST ngày 15/9/2021. Do vậy, buộc bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay: Ngày 27/10/2016, vợ chồng bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số:160310/HĐTC, tài sản thế chấp là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 34, diện tích 83.3 m² tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh) theo hợp đồng thế chấp số 160310/HĐTC ngày 27/10/2016. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BY 852750, số vào sổ cấp GCN: CH00225, cấp cho bà Nguyễn Thị X ngày 25/3/2015.

Trường hợp bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa có hiệu lực pháp luật, thì A1 Chi nhánh H1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, thì bà X và anh H, chị M không đồng ý xử lý tài sản thế chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp số: 160310/HĐTC ngày 27/10/2016, thì thấy các bên giao kết hợp đồng là tự nguyện và Hợp đồng thế chấp tài sản đã được chứng thực tại UBND xã H theo đúng quy định. Nội dung trong các Hợp đồng thế chấp đều thể hiện bên thế chấp đồng ý thế chấp cho bên Ngân hàng tài sản để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng. Đến nay, bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 18/6/2026 số tiền là: là: 412.232.110 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm ba hai nghìn, một trăm mười nghìn đồng).Trong đó: Nợ gốc: 220.000.000đồng, lãi: 192.232.110 đồng. Do bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo thời gian trả nợ là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 6 của hợp đồng tín dụng 2505LAV202000749 ngày 19/02/2020, nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ theo quy định của hợp đồng tín dụng 2505LAV202000749 ngày 19/02/2020, đồng thời xử lý tài sản Hợp đồng thế chấp số 160310/HĐTC ngày 27/10/2016. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 (A1) –chi nhánh H1 nếu trường hợp bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 34, diện tích 83.3 m² tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh) theo hợp đồng thế chấp số 160310/HĐTC ngày 27/10/2016. Tài sản

thế chấp là quyền sử dụng đất số BY 852750, sổ vào sổ cấp GCN: CH00225, cấp cho bà Nguyễn Thị X ngày 25/3/2015., theo hợp đồng thế chấp số 160310/HĐTC ngày 27/10/2016.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải chịu 2.000.000 đồng (mỗi người 1.000.000 đồng), tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do A1 -chi nhánh huyện H Bắc Giang đã tạm ứng nên bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N1 (A1) -chi nhánh H1 số tiền 2.000.000 đồng (mỗi người 1.000.000 đồng)chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận A1 –chi nhánh H1 đã nộp đủ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 (A1)-Chi nhánh H1 được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

-Hoàn trả Ngân hàng N1 (A1) -Chi nhánh H1 số tiền 10.308.157 đồng (Mười triệu, ba trăm linh tám nghìn, một trăm năm bảy đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0004577 ngày 12/12/2025, tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117; Điều 429; Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1.Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải trả có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh H1 số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2026 số tiền là: là: 412.232.110 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm ba hai nghìn, một trăm mười nghìn đồng).Trong đó: Nợ gốc: 220.000.000 đồng, lãi: 192.232.110 đồng.

Do bà X và ông Đ đã ly hôn ngày 15/9/2021, nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 206.116.055 đồng (Hai trăm linh sáu triệu, một trăm mười sáu nghìn, không trăm năm mươi năm đồng) (trong đó gốc: 110.000.000 đồng; lãi 96.116.055 đồng).

Kể từ ngày 19/6/2026, bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2505LAV202000749 ngày 19/02/2020 cho đến ngày bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A1.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng A1- Chi nhánh H1 -Bắc Giang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án để thu hồi nợ theo quy định của

pháp luật đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 34, diện tích 83.3 m² tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh) theo hợp đồng thế chấp số 160310/HĐTC ngày 27/10/2016. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BY 852750, số vào sổ cấp GCN: CH00225, cấp cho bà Nguyễn Thị X ngày 25/3/2015, theo hợp đồng thế chấp số 160310/HĐTC ngày 27/10/2016.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải chịu 2.000.000 đồng (mỗi người 1.000.000 đồng), tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do A1 -chi nhánh H1 đã tạm ứng nên bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N1 (A1) -chi nhánh H1 số tiền 2.000.000 đồng (mỗi người 1.000.000 đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận A1 –chi nhánh H1 đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự: bà Nguyễn Thị X và ông Lê Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự là 20.489.284 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm tám tư đồng). Do bà X và ông Đ đã ly hôn nên mỗi người phải chịu số tiền 10.244.642 đồng (Mười triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả Ngân hàng N1 (A1) -Chi nhánh H1 - Bắc Giang số tiền 10.308.157 đồng (Mười triệu, ba trăm linh tám nghìn, một trăm năm bảy đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0004577 ngày 12/12/2025, tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị SỰ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh